



DOI: [https://doi.org/ 10.52714/dthu.14.6.2025.1520](https://doi.org/10.52714/dthu.14.6.2025.1520)

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THANH TOÁN QUA VÍ ĐIỆN TỬ CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Nguyễn Văn Tân^{1*} và Nguyễn Ngọc Trân²

¹Sinh viên, Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: ngvantan100@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/11/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/12/2024; Ngày duyệt đăng: 25/3/2025

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua ví điện tử của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Dữ liệu sử dụng được thu thập từ kết quả khảo sát của 200 sinh viên Khoa Kinh tế với phương pháp chọn mẫu thuận tiện theo các khóa để xác định số lượng khảo sát cho từng khóa. Với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 22.0, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua ví điện tử của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm: (1) Nhận thức hữu ích, (2) An toàn và bảo mật, (3) Tính dễ sử dụng, (4) Ảnh hưởng xã hội, (5) Điều kiện thuận lợi. Trong đó, nhận thức hữu ích là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định thanh toán qua ví điện tử của sinh viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Đồng Tháp. Dựa trên kết quả phân tích, tác giả đã đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy quyết định thanh toán qua ví điện tử của sinh viên.

Từ khóa: Quyết định, sinh viên, thanh toán qua Ví điện tử, Trường Đại học Đồng Tháp.

Trích dẫn: Nguyễn, V. T., & Nguyễn, N. T. (2025). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua ví điện tử của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(6), 37-50. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.6.2025.1520>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

RESEARCHING FACTORS AFFECTING STUDENTS' DECISION ON PAYMENT VIA E-WALLET FACULTY OF ECONOMICS AT DONG THAP UNIVERSITY

Nguyen Van Tan^{1*} and Nguyen Ngoc Tran²

¹*Student, Faculty of Economics and Law, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Faculty of Economics and Law, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: ngvantan100@gmail.com*

Article history

Received: 11/11/2024; Received in revised form: 13/12/2024; Accepted: 25/3/2025

Abstract

The study aims to determine the factors affecting the e-wallet payment decision by students of the Faculty of Economics, Dong Thap University. The data was collected by surveying 200 students of the Faculty of Economics with the convenient sampling method according to courses to determine the number of surveys for each course. Via SPSS 22.0 software, research results have shown that there are 5 factors influencing the decision to pay via e-wallet of students of the Faculty of Economics, Dong Thap University, including: (1) Perceived usefulness, (2) Safety and security, (3) Ease of use, (4) Social influence, (5) Favorable conditions. Among them, useful awareness is dominant on the participants' decision to pay via e-wallet. Based on the analysis results, the author has proposed some administrative implications to promote students' decision to pay via e-wallets.

Keywords: *Decisions, payment via e-wallet, students, Dong Thap University.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thương mại điện tử phát triển như hiện nay, nhất là trong thời đại công nghệ 4.0 hình thức thanh toán điện tử đã trở nên phổ biến. Thanh toán điện tử là một nền tảng được dùng để thanh toán hàng hóa/dịch vụ thông qua Internet, khi đó tiền từ tài khoản này sẽ được chuyển sang tài khoản khác khi thanh toán. trong đó ví điện tử có đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của thanh toán về mặt tài chính.

Ví điện tử (VĐT) mang đến cho người dùng sự tiện lợi và an toàn giúp tiết kiệm thời gian, thay thế cho tiền mặt, lưu trữ thông tin cá nhân liên kết các thẻ thanh toán giao dịch. Dễ dàng thực hiện thanh toán chuyên và nhận tiền, thanh toán các hóa đơn và quản lý tài chính một cách hiệu quả. Vì thế, VĐT giữ một vai trò quan trọng trong thương mại hiện nay.

Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1813/QĐ-TTg, ngày 28-10-2021, “Về đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025”, mục đích nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế với mức tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, đưa việc sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong xã hội thành thói quen của mọi người, giảm các khoản chi phí liên quan đến tiền mặt. Đáp ứng nhu cầu thanh toán thuận tiện, hiệu quả. Từ đó, thúc đẩy nền kinh tế hội nhập với kinh tế quốc tế.

VĐT là một tài khoản thanh toán phục vụ đời sống người dân trong các giao dịch trực tuyến. Là giải pháp số trong việc tiếp cận thay đổi thói quen dùng tiền mặt của mọi người trong chỉ tiêu sinh hoạt hiện nay. Sở hữu nhiều chức năng thanh toán nổi bật giúp VĐT có cho mình ưu thế so với những hình thức thanh toán trực tuyến. Từ đó, càng được nhiều người ưa chuộng.

Mặc dù thanh toán qua VĐT đem lại sự nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, trở thành xu hướng góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thanh toán trực tuyến nhưng vẫn còn chất chứa nhiều lo lắng khi thanh toán qua VĐT một sự giao dịch trực tuyến liên quan nhiều đến vấn đề an toàn và độ bảo mật của giao dịch, trong có cả thông tin cá nhân của người dùng. Hơn nữa, việc sử dụng VĐT đối với sinh viên tại trường Đại học Đồng Tháp (ĐHT) chưa thật sự phổ biến, trong đó có Khoa Kinh tế.

Trước những mối nguy đó thì việc thực hiện một nghiên cứu để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên là một điều cần thiết. Có ý nghĩa quan trọng không những đối với nhà trường mà còn đối với các nhà cung cấp dịch vụ VĐT nhằm nắm bắt các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng VĐT của sinh viên. Hơn thế, trong thời đại công nghệ số hiện nay, nghiên cứu sẽ đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy khả năng sử dụng VĐT, đem lại tiện lợi cho sinh viên khi thực hiện các giao dịch và đề cao độ bảo mật an toàn. Trước đó cũng đã có những nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề này như trường hợp nghiên cứu của (Phan & Đăng., 2019). Bên cạnh đó, nghiên cứu của (Đăng & cs., 2021) nghiên cứu về yếu tố tác động đến hành vi sử dụng VĐT của sinh viên khối ngành kinh tế các trường đại học tại Hà Nội.

Tại Khoa Kinh tế của Trường Đại học Đồng Tháp các bạn sinh viên là đội ngũ trẻ luôn mang trong mình sự sáng tạo, trí thức, có tinh thần học hỏi và năng động. Được tiếp xúc môi trường công nghệ từ rất sớm vì thế khả năng thích ứng rất nhanh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là chưa có quá nhiều những nghiên cứu khảo sát đánh giá thái độ, nhu cầu, cũng như hành vi của sinh viên về việc dùng VĐT. Đặc biệt, trong quá trình chuyển đổi số nhưng việc sử dụng VĐT còn khá hạn chế bởi tác động từ nhiều nhân tố khác nhau ảnh hưởng đến hình thức thanh toán này và cần tìm ra nhân tố có tác động mạnh mẽ nhất đến quyết định thanh toán qua VĐT. Vì thế, từ những điều đó chúng tôi chọn “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp” để tiến hành thu thập dữ liệu nghiên cứu nhằm đề xuất các giải pháp để thúc đẩy quyết định thanh toán qua VĐT

của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Đồng thời, góp phần giúp các nhà cung cấp dịch vụ phát triển trong tương lai.

2. Tổng quan lý thuyết, lược sử nghiên cứu và phát triển giả thuyết

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Vi điện tử

VĐT được tích hợp trong thiết bị di động hoặc trên máy tính thông qua một ví ảo có chứa thông tin thẻ thanh toán tạo nên sự tiện lợi cho việc mua hàng trực tuyến và thanh toán tại các điểm bán lẻ (Tolety, 2018). Theo Pachpande và Kamble (2018), VĐT là một loại thẻ hoạt động bằng điện tử. Đồng thời, các tiện ích tương tự như thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ. Được dùng trong giao dịch trực tuyến trên máy tính hoặc điện thoại thông minh.

2.1.2. Quyết định

Theo Gregory Mankiw (trích dẫn từ Chapman, 1981): “Quá trình ra quyết định của cá nhân được định hướng bởi sự tối đa hóa tính hữu ích trong một lượng ngân sách hạn chế”. Quyết định là kết quả của quá trình suy nghĩ về một lựa chọn hợp lý từ các tùy chọn có sẵn là một giai đoạn trong hành vi mua của khách hàng. Quyết định thanh toán là một quyết định liên quan đến việc một cá nhân hoặc nhóm có thanh toán một hoạt động nào đó hay không.

2.1.3. Lý thuyết liên quan

Lý thuyết về hành vi hoạch định (Theory of Planned Behavior - TPB) được Ajzen (1991) phát triển mô tả cách mọi người hình thành ý định và thực hiện hành động bằng ba yếu tố chính đó là thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi.

Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) lý giải rằng ý định hành vi dẫn đến hành vi và ý định trở thành quyết định do thái độ cá nhân, cùng sự ảnh hưởng của chuẩn chủ quan xung quanh việc thực hiện các hành vi đó (Fishbein và Ajzen, 1975).

Lý thuyết chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) là mô hình giải thích về hành vi sử dụng công nghệ. Đồng thời, giải thích cách người dùng đánh giá và sử dụng công nghệ mới bởi Fred Davis (1986).

Lý thuyết thống nhất và chấp nhận và sử dụng công nghệ (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology - UTAUT) được phát triển bởi Venkatesh & cs. (2003) với mục đích đó là kiểm tra sự chấp nhận của người sử dụng công nghệ. Trong đó UTAUT có sự kết hợp phát triển từ các lý thuyết TRA, TPB và TAM.

2.2. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết

Các nghiên cứu của những tác giả đi trước đã chỉ ra rằng nhân tố “Nhận thức hữu ích” có tác động đến quyết định thanh toán qua VĐT như (Nguyễn & cs., 2021; Nguyễn & Trần, 2024; (Yerisma & cs., 2020). Đồng thời, theo lý thuyết chấp nhận công nghệ TAM của Davis (1989) đưa ra “nhận thức hữu ích” chính là sự hữu ích mà người dùng công nghệ khi sử dụng họ cảm nhận được công nghệ đó giúp ích nâng cao hiệu suất trong công việc. Nhận thức hữu ích có tác động đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khi họ nhận thấy sử dụng mang lại nhiều tiện lợi, nhanh chóng và tiết kiệm thời gian.

Giả thuyết H1: Nhận thức hữu ích có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.

Bên cạnh đó, trong nghiên cứu trước (Nguyễn & Trần, 2024) và lý thuyết TAM xây dựng bởi Davis (1989) đưa ra nhân tố “Tính dễ sử dụng” là mức độ người dùng công nghệ tin rằng họ không cần quá nhiều nỗ lực khi sử dụng công nghệ đó. Khi thanh toán qua VĐT thì

nếu sinh viên cảm thấy các giao diện thao tác thanh toán đơn giản, dễ dàng thì sẽ thúc đẩy sử dụng thanh toán qua VĐT.

Giả thuyết H2: *Tính dễ sử dụng có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.*

Theo lý thuyết thống nhất và chấp nhận và sử dụng công nghệ UTAUT Venkatesh & cs. (2003) giải thích rằng nhân tố “Điều kiện thuận lợi” là cách bản thân cá nhân người dùng tin rằng việc tổ chức, công tác kỹ thuật hỗ trợ và cơ sở hạ tầng sẽ đáp ứng họ trong việc sử dụng công nghệ. Khi có đủ điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng thì sinh viên sẽ tăng quyết định thanh toán qua VĐT. Các nghiên cứu trước cũng chỉ ra nhân tố “Điều kiện thuận lợi” có tác động đến quyết định thanh toán qua VĐT như (Nguyễn, T. T. V. & cs., 2021); (Amira, F. & cs., 2011).

Giả thuyết H3: *Điều kiện thuận lợi có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.*

Mặc khác, theo lý thuyết thống nhất và chấp nhận và sử dụng công nghệ UTAUT Venkatesh và cộng sự (2003) thì nhân tố “Ảnh hưởng xã hội” cũng là một nhân tố tác động một phần đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên. Khi sinh viên bị ảnh hưởng từ những người xung quanh như bạn bè, thầy cô, gần hơn nữa là gia đình thì sẽ có thái độ và hành vi tích cực hơn trong quyết định thanh toán. Các nhà nghiên cứu đã đưa nhân tố “Ảnh hưởng xã hội” vào mô hình để nghiên cứu về quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên như (Đặng, 2021); (Yang & cs., 2018); (Phạm & cs., 2023); (Nguyễn, T. T. V. & cs., 2021).

Giả thuyết H4: *Ảnh hưởng xã hội có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.*

Theo thuyết thống nhất và chấp nhận và sử dụng công nghệ UTAUT được Venkatesh và cộng sự (2003) đề cập, để người dùng chấp nhận sử dụng một công nghệ thì những rủi ro liên quan đến an toàn và độ bảo mật khi sử dụng là điều rất cần thiết. Điều hình như thông tin cá nhân, tài chính, tính năng của công nghệ. Khi sinh viên cảm nhận được những rủi ro khi quyết định thanh toán qua VĐT trong một giao dịch cá nhân nào đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định. Những nghiên cứu của các tác giả trước nhắc đến nhân tố “An toàn và bảo mật” trong mô hình nghiên cứu như (Nguyễn & cs., 2021); (Đặng, 2021); (Phan & Đặng, 2019); (Yerisma & cs., 2020); (Phạm & cs., 2023); (Nguyễn & Trần, 2024).

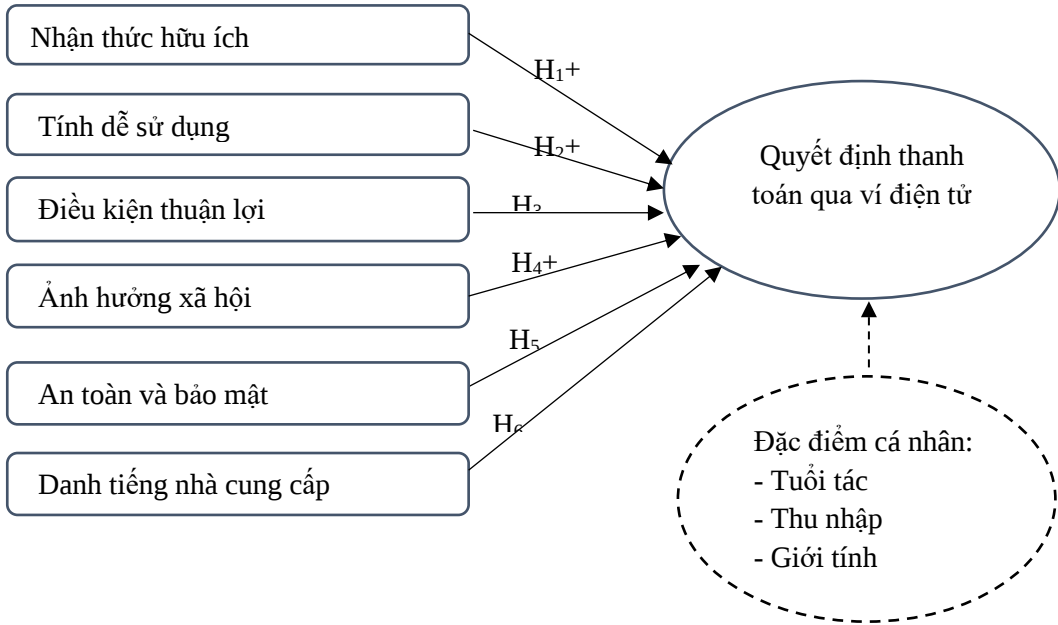
Giả thuyết H5: *An toàn và bảo mật có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.*

Theo thuyết thống nhất và chấp nhận và sử dụng công nghệ UTAUT Venkatesh và cộng sự (2003) thì nhân tố “Danh tiếng nhà cung cấp” được hiểu là mức độ người dùng thể hiện sự tín nhiệm của bản thân họ đối với nhà cung cấp dịch vụ thanh toán qua VĐT. Vì thế, có ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên. Khi sinh viên thường xuyên thấy quảng cáo hay thông tin liên quan đến VĐT nào đó thân quen trong thời gian hoạt động xã hội hoặc người đã sử dụng trước giới thiệu thì bản thân họ có được niềm tin vào VĐT đó và dễ dàng bị thúc đẩy ra quyết định chọn VĐT để thanh toán hơn và ngược lại.

Giả thuyết H6: *Danh tiếng nhà cung cấp có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.*

Thông qua việc lược khảo từ các lý thuyết và sử dụng thường xuyên trong nghiên cứu như thuyết TPB, TRA, TAM và UTAUT. Bên cạnh đó, còn có các biến được lược khảo từ các nghiên cứu của những tác giả trước đưa vào mô hình 6 biến độc lập (Nhận thức hữu ích, tính

để sử dụng, danh tiếng nhà cung cấp, ảnh hưởng xã hội, an toàn và bảo mật, điều kiện thuận lợi) và 1 biến phụ thuộc (quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên).



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính: tác giả dựa trên các mô hình nghiên cứu và cơ sở các lý thuyết từ những tác giả trước để hình thành thang đo. Trên cơ sở đó tác giả đã thực hiện hiệu chỉnh thang đo cho phù hợp với đối tượng khảo sát, từ đó, tác giả xây dựng thang đo chính thức. Đây là cơ sở để tác giả thiết kế bảng câu hỏi phục vụ cho giai đoạn nghiên cứu định lượng.

Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng. Cụ thể, dựa trên thang đo chính thức có được sau khi thực hiện nghiên cứu định tính, tác giả đã thực hiện thiết kế bảng câu hỏi với 33 biến quan sát về nhân tố ảnh hưởng đến “quyết định thanh toán qua VĐT” gồm 03 phần chính: Phần 1: Thông tin chung; Phần 2: Nội dung khảo sát (thể hiện các phát biểu đo lường cho 06 biến độc lập và biến phụ thuộc được đề cập trong mô hình nghiên cứu. Nghiên cứu xây dựng thang đo Likert 5 điểm theo quy ước: (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Không ý kiến; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Sau đó, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên dựa trên sự thuận lợi để tiếp cận các bạn sinh viên từ năm nhất đến năm thứ tư thuộc Khoa Kinh tế đang học tập tại Trường Đại học Đồng Tháp để thực hiện khảo sát thông qua việc gửi bảng hỏi. Với điều kiện những sinh viên thực hiện khảo sát phải có sử dụng ứng dụng thanh toán qua VĐT. Với 215 phiếu đã khảo sát sau khi kiểm tra tính hợp lệ kết quả thu được 200 phiếu phản hồi dữ liệu hợp lệ. Dữ liệu được thu thập sẽ được mã hóa và nhập vào phần mềm SPSS 22.0 để xử lý.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

Dữ liệu được thu thập thông qua một cuộc điều tra bằng bản hỏi với số lượng dự kiến 200 sinh viên thuộc khoa Kinh tế. Tổng số phiếu khảo sát là 215 phiếu, số phiếu thu về là 215 phiếu, số phiếu đạt yêu cầu là 200 phiếu. Từ đó, thông tin về mẫu nghiên cứu chính thức ($n = 200$) được tác giả trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Thông tin về mẫu nghiên cứu

	Đặc điểm	Số lượng	Tần suất
Giới tính	Nam	58	29%
	Nữ	142	71%
Tổng		200	100%
Ngành học	Quản trị kinh doanh	68	34%
	Tài chính ngân hàng	40	20%
	Kế toán	88	44%
	Quản lý công	1	0,5%
	Kinh doanh quốc tế	3	1,5%
Tổng		200	100%
Mức độ dùng	Rất thường xuyên	3	1,5%
	Thường xuyên	40	20%
	Thỉnh thoảng	157	78,5%
Tổng		200	100%
Loại Ví điện tử	Momo	110	55%
	Zalopay	40	20%
	Vnpay	16	8%
	VTCPay	12	6%
	Shopeepay	22	11%
Tổng		200	100%

Nguồn: Kết quả từ phân tích dữ liệu của tác giả.

Nhìn chung cơ cấu mẫu theo giới tính, theo ngành học tương đối hợp lý vì Khoa Kinh tế có số lượng sinh viên nữ nhiều hơn sinh viên nam và sinh viên ngành Kế toán nhiều hơn các ngành còn lại, đặc biệt sinh viên ngành Quản lý công và ngành Kinh doanh quốc tế rất ít.

4.2. Kiểm định thang đo Cronbach's Alpha

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo qua hệ số Cronbach's Alpha cho thấy, trong 7 thang đo với 32 biến quan sát (trong đó 27 biến quan sát thuộc biến độc lập và 5 biến quan sát thuộc biến phụ thuộc) được đưa vào kiểm tra thì tất cả các biến quan sát đều đạt yêu cầu. Hệ số thang đo cao nhất 0,838 của biến tính dễ sử dụng và thấp nhất là 0,801 của biến quyết định (đáp ứng điều kiện $> 0,6$) và hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất là 0,517 (đáp ứng điều kiện $> 0,3$) nên tất cả các biến quan sát đều được giữ lại và tiếp tục thực hiện phân tích tiếp theo.

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu bị loại biến
Thang đo Nhận thức hữu ích: Cronbach's Alpha = 0,830				
HI1	Hiệu suất công việc của Anh/Chị sẽ được nâng cao khi sử dụng VĐT	14,14	0,584	0,809

	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu bị loại biến
HI2	Anh/Chị nghĩ rằng thanh toán qua VĐT thuận tiện so với các phương thức thanh toán khác	14,14	0,517	0,826
HI3	Anh/Chị có thể giao dịch linh hoạt hơn khi sử dụng VĐT	14,19	0,696	0,777
HI4	Anh/Chị có thể tiết kiệm thời gian thanh toán khi sử dụng VĐT	14,22	0,698	0,776
HI5	Sử dụng VĐT giúp Anh/Chị quản lý chi tiêu của mình một cách hiệu quả hơn	14,25	0,647	0,791
Thang đo Tính dễ sử dụng: Cronbach's Alpha = 0,838				
SD1	Anh/Chị có khả năng dễ dàng sử dụng VĐT	13,87	0,627	0,809
SD2	Anh/Chị có thể thao tác giao dịch linh hoạt trên VĐT	13,70	0,584	0,820
SD3	Anh/Chị có thể thực hiện giao dịch qua VĐT lần đầu tiên mà không cần sự hỗ trợ	13,83	0,668	0,797
SD4	Anh/Chị có thể dễ dàng học cách sử dụng VĐT	13,93	0,602	0,815
SD5	Anh/Chị nhận thấy VĐT dễ sử dụng sau khi đã sử dụng nhiều lần	13,80	0,721	0,783
Thang đo Điều kiện thuận lợi: Cronbach's Alpha = 0,806				
TL1	Anh/Chị được cung cấp thông tin sử dụng VĐT	10,51	0,619	0,758
TL2	Anh/Chị được hỗ trợ sử dụng VĐT	10,57	0,636	0,750
TL3	Anh/Chị có điện thoại thông minh để sử dụng VĐT	10,78	0,608	0,764
TL4	Các nơi giao dịch xung quanh có trang bị tài khoản để Anh/Chị thanh toán qua VĐT	10,46	0,625	0,756
Thang đo Ảnh hưởng xã hội: Cronbach's Alpha = 0,786				
XH1	Thành viên trong gia đình của Anh/Chị có sử dụng VĐT	10,67	0,596	0,732
XH2	Những người bạn của Anh/Chị có sử dụng VĐT	10,60	0,572	0,744
XH3	Những người xung quanh Anh/Chị sử dụng VĐT rộng rãi	10,79	0,583	0,741
XH4	Anh/Chị được khuyên nên sử dụng sau khi tìm hiểu kĩ thông tin về VĐT	10,65	0,625	0,718

	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu bị loại biến
XH1	Anh/Chị nhận thấy xu hướng thanh toán qua VĐT trở nên phổ biến ở nhiều nơi	10,67	0,596	0,732
Thang đo An toàn bảo mật: Cronbach's Alpha = 0,773				
AT1	Rủi ro lừa đảo có thể xảy ra khi giao dịch qua VĐT	10,49	0,558	0,727
AT2	Rủi ro lộ thông tin có thể xảy ra khi giao dịch qua VĐT	10,42	0,600	0,706
AT3	VĐT có chính sách bảo mật thông tin tài khoản người dùng nghiêm ngặt	10,56	0,530	0,742
AT4	VĐT có chính sách bảo mật tiền nghiêm ngặt	10,55	0,614	0,697
Thang đo Danh tiếng nhà cung cấp: Cronbach's Alpha = 0,831				
CC1	Những giao dịch đã thực hiện qua VĐT của Anh/Chị là hoàn toàn bảo mật tuyệt đối	16,05	0,655	0,795
CC2	Anh/Chị tin rằng VĐT sẽ là lựa chọn hàng đầu trong các cuộc giao dịch của mình	16,16	0,594	0,807
CC3	VĐT bởi nhà cung cấp nổi tiếng có chính sách bảo mật tốt tránh bị xâm nhập cao	16,06	0,736	0,770
CC4	VĐT bởi nhà cung cấp nổi tiếng giúp Anh/Chị an tâm khi lựa chọn sử dụng	16,63	0,642	0,799
CC5	VĐT bởi nhà cung cấp nổi tiếng mang lại cho Anh/Chị nhiều ưu đãi khi lựa chọn sử dụng	16,52	0,569	0,814
Thang đo Quyết định thanh toán: Cronbach's Alpha = 0,801				
QD1	Anh/Chị sẽ sử dụng VĐT lâu dài trong tương lai	15,44	0,571	0,768
QD2	Anh/Chị hài lòng với việc thanh toán qua VĐT hiện tại của mình	15,40	0,571	0,767
QD3	VĐT sẽ là nơi lưu giữ tiền của Anh/Chị để sử dụng trong tương lai	15,35	0,577	0,765
QD4	Việc thanh toán qua VĐT có ý nghĩa quan trọng đối với Anh/Chị	15,34	0,622	0,751
QD5	Anh/Chị thích sử dụng thanh toán qua VĐT	15,32	0,579	0,764

4.3. Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố cho biến độc lập Sau khi xoay các nhân tố với phương pháp Promax. Trải qua 2 lần loại biến, kết quả có 27 biến quan sát được đưa vào kiểm định EFA và có 25/27 biến quan sát đạt giá trị hội tụ (loại 2 biến lần lượt là HI4, SD5) và hình thành được 6 nhân tố bao gồm: nhân tố 1 gồm HI1, HI2, HI3, HI5; nhân tố 2 gồm SD1, SD2, SD3, SD4; nhân tố 3 gồm TL1, TL2, TL3, TL4; nhân tố 4 gồm XH1, XH2, XH3, XH4; nhân tố 5 gồm AT1, AT2, AT3, AT4; nhân tố 6 gồm CC1, CC2, CC3, CC4, CC5.

Kiểm định sự tương quan giữa các biến, ta có $KMO = 0,778$ ($0,5 \leq KMO \leq 1$), phân tích EFA là phù hợp. Với mức ý nghĩa $Sig = 0,000 < 0,05$. Từ đó, cho thấy các biến quan sát trong từng nhân tố được hình thành có mối tương quan chặt chẽ với nhau và giải thích tốt cho nhân tố đại diện. Giá trị tổng phương sai trích là 51,008% ($>50\%$), có nghĩa là các nhân tố đã được rút trích giải thích được 51,008% sự biến thiên của tập dữ liệu, tương ứng với Eigenvalue = 1,505 > 1 . Các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5 đáp ứng đủ điều kiện.

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
HI1	0,712					
HI2	0,692					
HI3	0,697					
HI5	0,647					
SD1		0,640				
SD2		0,514				
SD3		0,670				
SD4		0,729				
TL1			0,737			
TL2			0,673			
TL3			0,659			
TL4			0,756			
XH1				0,770		
XH2				0,686		
XH3				0,625		
XH4				0,663		
AT1					0,574	
AT2					0,849	
AT3					0,531	
AT4					0,680	
CC1						0,763
CC2						0,686
CC3						0,878
CC4						0,698
CC5						0,578

Hệ số $KMO = 0,778$

Giá trị P của kiểm định Bartlett's = 0,000

Phần trăm phương sai trích = 51,008%

Eigenvalue: 1,505

Với biến phụ thuộc (quyết định thanh toán qua VĐT). Kết quả phân tích EFA bằng phương pháp phân tích Principal components và phép quay Varimax cho thấy có 5 biến quan sát và không có biến nào bị loại. Với giá trị KMO = 0,841 (> 0,5) với mức ý nghĩa Sig = 0,000, nên EFA phù hợp với dữ liệu. Phương sai trích được sau khi EFA là 55,766%, cho thấy nhân tố được rút trích sẽ giải thích được 55,766% sự biến thiên của dữ liệu, với Eigenvalue = 2,788 và tất cả các hệ số tải nhân tố đạt yêu cầu > 0,5.

4.4. Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích cho thấy giá trị $R^2 = 0,631$ nghĩa là các biến độc lập trong mô hình giải thích được 63,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc (quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên) được giải thích bởi các nhân tố được đưa vào mô hình, còn lại là các nhân tố khác ngoài mô hình.

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy

Biến độc lập	B	t	Sig	Đa cộng tuyến	
				Độ chấp nhận	VIF
(Hằng số)	0,254	0,858	0,392		
HI	0,252	6,236	0,000	0,875	1,143
SD	0,208	4,611	0,000	0,740	1,351
TL	0,135	3,040	0,003	0,804	1,243
XH	0,212	4,808	0,000	0,821	1,218
AT	0,246	5,490	0,000	0,803	1,245
$R^2 = 0,631$					
Thống kê F = 51,596					
Sig = 0,000					

Kết quả cho thấy có 01 nhân tố “CC” có giá trị Sig = 0,559 > 0,05; không có ý nghĩa thống kê nên loại biến “CC” và thực hiện lại phân tích hồi quy. Kết quả có 5 nhân tố đều có Sig < 0,05 chứng tỏ 5 nhân tố này đều ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT, hơn nữa dấu của các hệ số đều dương, phù hợp với dấu kỳ vọng. Từ kết quả trên, phương trình thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên của Khoa Kinh tế tại Trường Đại học Đồng Tháp:

$$QĐ = 0,254 + 0,252*HI + 0,208*SD + 0,135*TL + 0,212*XH + 0,246*AT.$$

Với chỉ số F = 51,596 và mức ý nghĩa Sig = 0,000 < 0,05. Chứng tỏ rằng mô hình hồi quy phù hợp với dữ liệu đã thu thập và có ý nghĩa về mặt thống kê với mức ý nghĩa 5% . Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Độ chấp nhận từ 0,740 đến 0,875 và giá trị VIF cao nhất chỉ 1,351 (< 2). Vì vậy, mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Thảo luận kết quả nghiên cứu

Từ những kết quả trên có thể thấy trong mô hình nghiên cứu quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên, nhân tố Nhận thức hữu ích, An toàn và bảo mật, Tính dễ sử dụng, Ảnh hưởng xã hội, Điều kiện thuận lợi có ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên. Với hệ số $R^2 = 0,631$ (kết quả phân tích hồi quy từ SPSS 22.0), các biến độc lập trong mô hình giải thích được 63,1% thay đổi của biến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.

Nhận thức hữu ích là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả này có sự đồng thuận với kết quả của nghiên cứu trước đó của (Nguyễn & cs., 2021; Yerisma & cs., 2020; Amira và cs.,

2011). Kết quả cũng tương đồng với lý thuyết chấp nhận công nghệ TAM của (Davis, 1989). Điều này có nghĩa là các bạn sinh viên nhận thức lợi ích mà VĐT mang lại trong thanh toán sẽ thúc đẩy thanh toán qua VĐT nhiều hơn và ngược lại.

An toàn và bảo mật là nhân tố ảnh hưởng mạnh thứ hai đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Điều này có nghĩa là sinh viên nhận thức rằng việc giao dịch thông qua VĐT đảm bảo độ an toàn, bảo mật về thông tin cá nhân, tài chính ít rủi ro, khi đó sẽ thôi thúc quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên. Phát hiện này trong nghiên cứu của tác giả có sự đồng thuận với phát hiện trong nghiên cứu trước đó của (Nguyễn & cs., 2021; Yerisma & cs., 2020; Phan & Đặng, 2019).

Tính dễ sử dụng là nhân tố ảnh hưởng mạnh thứ ba đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Phát hiện này trong nghiên cứu của tác giả có sự đồng thuận với phát hiện trong các nghiên cứu trước đó (Nguyễn & cs., 2021; Đặng, 2021; Yerisma & cs., 2020). Bên cạnh đó, kết quả này cũng đồng thuận với lý thuyết chấp nhận công nghệ TAM của (Davis, 1989). Điều này có nghĩa là khi sinh viên nhận thức rằng việc thanh toán qua VĐT không quá phức tạp, sẽ thôi thúc quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.

Ảnh hưởng xã hội là nhân tố ảnh hưởng mạnh thứ tư đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Trong nghiên cứu của tác giả có sự đồng thuận với phát hiện trong các nghiên cứu trước đó (Đặng, 2021; Phan & cs., 2019; Yang & cs., 2018; Phạm & cs., 2023; Nguyễn & cs., 2021; Amira & cs., 2011). Điều này có nghĩa là sự ảnh hưởng của những người xung quanh trong việc đưa ra những lời khuyên tích cực sẽ thôi thúc quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên.

Điều kiện thuận lợi là nhân tố ảnh hưởng ít nhất đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. Điều này có nghĩa là khi sinh viên nhận thức rằng việc thanh toán qua VĐT được hỗ trợ bởi những điều kiện thuận lợi, như internet, tài khoản, cơ sở hạ tầng... sẽ thôi thúc quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên. Phát hiện này trong nghiên cứu của tác giả có sự đồng thuận với phát hiện trong nghiên cứu trước đó (Amira & cs., 2011; Nguyễn & cs., 2021; Phạm & cs., 2023) và có sự tương đồng với thuyết thống nhất và chấp nhận và sử dụng công nghệ UTAUT Venkatesh & cs. (2003).

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu được đưa ra từ thông tin mẫu nghiên cứu cho thấy sinh viên thanh toán qua VĐT số lượng nữ nhiều hơn nam, gồm sinh viên từ năm 1 đến năm 4 của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ kết quả nghiên cứu phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy có 05 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp, được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng từ cao đến thấp như sau: Nhận thức hữu ích (0,252); An toàn và bảo mật (0,246); Ảnh hưởng xã hội (0,212); Tính dễ sử dụng (0,208); Điều kiện thuận lợi (0,135). Kết quả của kiểm định sự khác biệt cho thấy rằng mô hình không có sự khác biệt nào đối với các biến trong mô hình.

5.2. Hàm ý quản trị

Dựa trên kết quả nghiên cứu nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị như sau:

Nhân tố Nhận thức hữu ích ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trong 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên. Đòi hỏi các nhà cung cấp dịch vụ VĐT cần tăng cường hoạt động truyền thông quảng cáo về các tính năng nổi bật trên các nền tảng mạng xã

hội nhằm cho các bạn sinh viên dễ dàng tiếp cận. Xây dựng chương trình thông tin trong thời đại chuyển đổi số. Từ đó, cho sinh viên nhận thức việc thanh toán qua VĐT sẽ có nhiều lợi ích mang lại.

Nhân tố An toàn và bảo mật giá cả là nhân tố quan trọng thứ hai trong mô hình nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên sẽ yên tâm sử dụng VĐT khi tính bảo mật thông tin và các giao dịch có độ an toàn cao. Vì thế, tác giả đề xuất các nhà cung cấp dịch vụ cần có những biện pháp ngăn chặn các tình huống xấu như đánh cắp thông tin, thủ đoạn lừa đảo, đảm bảo tính an toàn bảo mật các thông tin quan trọng khi sử dụng. Xây dựng hệ thống phản hồi nhanh và xử lý vấn đề rủi ro khi người dùng cần.

Nhân tố Tính dễ sử dụng là nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên đã được chỉ ra ở mô hình nghiên cứu. Để tiếp cận dễ dàng với người dùng là các bạn sinh viên các nhà cung cấp dịch vụ cần có những hướng dẫn cụ thể ngay trên app VĐT. Đặc biệt là những video mang tính tương tác, sống động cho sinh viên cảm nhận được sự dễ dàng khi thanh toán qua VĐT. Xây dựng các bước thực hiện thanh toán dễ dàng tránh quá nhiều bước phức tạp hướng đến sự nhanh gọn nhưng vẫn đảm bảo chính xác.

Ảnh hưởng xã hội có ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT của sinh viên nên các nhà cung cấp cần không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ VĐT, thường xuyên có các chương trình khuyến mãi, chính sách ưu đãi đối với các khách hàng mới sử dụng và đã sử dụng lâu. Để các bạn sinh viên có thể cùng nhau lan tỏa sử dụng những tiện ích trên VĐT.

Việc tăng cường điều kiện thuận lợi cho các bạn sinh viên cũng là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thanh toán qua VĐT. Cần cung cấp các thông tin liên quan đến VĐT trên các phương tiện truyền thông nhà trường để triển khai thông tin về dịch vụ liên quan vào các sự kiện lớn ngày khai giảng, ngày tốt nghiệp và các sự kiện đặc biệt khác của trường. Triển khai thanh toán qua VĐT tại các căn tin của trường cho sinh viên thực hiện thanh toán.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2023.02.48.

Tài liệu tham khảo

- Ajzen (1991). The Theory of Planned Behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*. 50(2), 179-211.
- Amira (2013). Exploring determinants influencing the intention to use mobile payment service. In *Managing Customer Trust, Satisfaction, and Loyalty through Information Communication Technologies*. 288-309.
- Chapman, D. W (1981). A model of student college choice. *Journal of Higher Education*, 52, 490-505. <http://dx.doi.org/10.2307/1981837>.
- Davis, F. (1989). Perceived Usefulness, Perceived Ease of Use, and User Acceptance of Information Technology. *Management Information Systems Research Center, University of Minnesota*, 13(3), 319-340. <https://doi.org/10.2307/249008>.
- Đặng, P. N. (2019). Nghiên cứu tác động của các nhân tố tới quyết định thanh toán trực tuyến trên sàn thương mại điện tử của giới trẻ Hà Nội. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 24, 11-15.
- Đặng, T. M. N. & cs. (2021). Yếu tố tác động đến hành vi sử dụng ví điện tử của sinh viên khối ngành kinh tế các trường Đại học tại Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 151, 62-69.
- Hoàng, T. & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Hà Nội: NXB Thống kê.

- Nguyễn, T. L. N. & cs (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử của người dân Thành phố Hồ Chí Minh. *Chuyên san Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 7, 48-59.
- Nguyễn, T. T. V. & cs. (2021). Nghiên cứu hành vi sử dụng dịch vụ Thanh toán di động ở Việt Nam: Sử dụng mô hình meta-utaut. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 292, 46-56.
- Nguyễn, N. P. & Trần, N. T. (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ thanh toán ví điện tử của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. Truy cập từ: <https://kinhtevadubao.vn/cac-nhan-to-anh-huong-den-quyet-dinh-su-dung-dich-vu-thanh-toan-vi-dien-tu-cua-nguoi-tieu-dung-tai-tp-ho-chi-minh-30446.html>
- Nguyễn, Đ. T. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Hà Nội: NXB Lao động xã hội.
- Pachpande, B. R., & Kamble, A. A. (2018). Study of e-wallet awareness and its usage in Mumbai. *Journal of Commerce and Management Thought*, 9(1), 33-45.
- Phan, H. N. & Đặng, T. D. (2019). Nghiên cứu quyết định sử dụng dịch vụ thanh toán qua thiết bị di động của khách hàng trên địa bàn Hà Nội. *Tạp chí Ngân hàng*, 29. Truy cập từ: <https://tapchinganhang.gov.vn/ngghien-cuu-quyet-dinh-su-dung-dich-vu-thanh-toan-qua-thiet-bi-di-dong-cua-khach-hang-tren-dia-ban-ha.htm>.
- Phạm, T. N. A. & cs. (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thanh toán trực tuyến trên sàn thương mại điện tử của thế hệ Gen Z trên địa bàn Thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 255, 26-39.
- Philip, K. (2003). *Quản trị Marketing*. Hà Nội: NXB Thống Kê.
- Thủ tướng. (2021). *Quyết định số 1813/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025*.
- Tolety, R. K. (2018). E-Wallets–Their cause, Rise and Relevance. *International Journal of Research in IT and Management*, 8(7), 1-8.
- Yerisma, W. & cs. (2020). Factors of Using Non-Cash Payments to the Consumption Level of Students in Pematangsiantar City. *Journal Bisnis dan Manajemen*. 7(1), 61-68.
- Yang, S. & cs (2012). Mobile payment services adoption across time: An empirical study of the effects of behavioral beliefs, social influences, and personal traits. *Computers in Human Behavior*, 28(1), 129-142.